

Bản án số: 117/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 7 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mã Tuấn P, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Việt T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông P trình bày:

- Về hôn nhân: Ông P và bà T chung sống với nhau năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc tuy nhiên một thời gian dài chung sống ông bà dần dần xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nay ông P nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với bà T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Mã Huỳnh Phúc A, sinh ngày 02/3/2022, hiện đang sống cùng với bà T. Khi ly hôn ông P đồng ý giao cháu A cho bà T tiếp tục nuôi, ông P không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông P yêu cầu xét xử vắng mặt, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông P và bà T chung sống với nhau năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo ông P xác định quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, từ nguyên nhân trên nên ông P yêu cầu xin ly hôn với bà T.

Đối với bà T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông P cho thấy bà không có nguyện vọng đề hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho ông P được ly hôn với bà T là phù hợp và đúng quy định.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu A đang sống cùng với bà T, ông P thống nhất giao cháu A cho bà T tiếp tục nuôi, quá trình giải quyết vụ án, bà T không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu A cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P xác định không có, bà T không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông P phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Mã Tuấn P được ly hôn với bà Huỳnh Việt T.
2. Về con chung: Giao Mã Huỳnh Phúc A, sinh ngày 02/3/2020 cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Mã Tuấn P phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003496 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Thuận, huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

